



**CÔNG TY CP SÁCH-THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG (KBE)**  
Lô E16 số 30-31-32 đường 3/2 – P. Vĩnh Lạc – Tp. Rạch Giá – Tỉnh Kiên Giang  
Điện thoại: 077.3862125 Fax: 077.3867517  
Website: <http://www.donghostb.com.vn> Email: [vanphong.kbe@gmail.com](mailto:vanphong.kbe@gmail.com)

---

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## NĂM 2015



Ngày phát hành : 25 – 03 – 2016

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>2</b>
1. Thông tin khái quát .....	2
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	4
4. Định hướng phát triển .....	5
5. Các rủi ro .....	5
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	<b>6</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
+ Tóm tắt tình hình hoạt động trong năm .....	6
+ Tình hình thực hiện so với kế hoạch .....	7
2. Tổ chức và nhân sự .....	7
+ Danh sách Ban điều hành .....	7
+ Những thay đổi trong Ban điều hành.....	9
+ Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách cho người lao động .....	9
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án .....	10
4. Tình hình tài chính .....	10
a. Tình hình tài chính.....	10
b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	10
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	11
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .....	12
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	<b>13</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	13
2. Tình hình tài chính .....	14
a. Tình hình tài sản .....	14
b. Tình hình nợ phải trả .....	15
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	15
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	15
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>16</b>
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty .....	16
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD công ty .....	16
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT .....	17
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	<b>17</b>
1. Hội đồng quản trị .....	17
2. Ban kiểm soát .....	19
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS .....	20
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	<b>21</b>
1. Ý kiến kiểm toán .....	21
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	22



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH – THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**  
**Năm báo cáo 2015**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

– Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH – THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG.**

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **1700418394**, đăng ký lần đầu ngày 11/07/2003, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15/11/2012.

– Vốn điều lệ: **12.310.600.000 đồng.**

– Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **12.310.600.000 đồng.**

– Địa chỉ: **Lô E16 số 30-31-32 đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.**

– Số điện thoại: **077. 3862125**

– Số fax: **077. 3867517**

– Website: **http://www.donghostb.com.vn** - Email: **vanphong.kbe@gmail.com**

– Mã cổ phiếu: **KBE**

***Quá trình hình thành và phát triển:***

– Quá trình hình thành và phát triển:

+ *Quá trình hình thành:*

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang tiền thân là Công ty Sách Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (doanh nghiệp nhà nước). Được thành lập căn cứ vào thông tư số 14/TT-TC ngày 10-06-1982 của bộ Giáo Dục (nay là Bộ Giáo Dục – Đào tạo). Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang đã ra quyết định số 371/QĐ-UB ngày 30-8-1982, thành lập Công ty Sách Thiết Bị Trường Học trực thuộc Ty Giáo Dục (nay là Sở Giáo dục – Đào tạo Kiên Giang) trên cơ sở hợp nhất Phòng Phát hành - thư viện và Phòng Thiết bị dạy học.

Từ năm 1984 – 1992 tổ chức hoạt động của Công Ty đi vào nề nếp. Từ đó công tác phát hành sách, thư viện trường học và xây dựng các phòng thí nghiệm – thực hành đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Từ 1999 đến nay Công Ty được giao thêm công tác phát hành sách và văn hóa phẩm thuộc các ngành Văn Hóa – Thông Tin quản lý. Công ty đã có quan hệ với 43 Nhà Xuất Bản trong cả nước để có đủ nguồn sách đa dạng và phong phú phục vụ cho bạn đọc tỉnh nhà. Do làm tốt công tác này nên Công Ty được Bộ Văn Hóa- Thông Tin cấp bằng khen.



+ *Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:*

Thực hiện Quyết định số 38/QĐ\_TTg ngày 08-01-2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2003-2005; căn cứ vào Quyết định số 1760/QĐ\_UB ngày 26-06-2003 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chuyển Công ty Sách Thiết Bị Trường Học Kiên Giang thành Công ty cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang.

Ngày 01-07-2003 Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần. Sau khi thành lập công ty đã nhanh chóng ổn định tổ chức và đi vào hoạt động theo đúng pháp luật qui định, đúng điều lệ hoạt động của công ty.

Công ty cổ phần Sách - Thiết bị trường học Kiên Giang thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 56-03-00014 ngày 11-07-2003 (lần đầu). Vốn điều lệ: 6.155.300.000 đồng (Sáu tỉ một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng). Vốn nhà nước sở hữu chiếm 40% tổng vốn điều lệ.

Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 28-12-2006 với số 56-03-00014 bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ không đổi.

Đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần hai, ngày 24-07-2008 số: 56-03-00014 bổ sung thêm một số ngành nghề, vốn điều lệ không đổi.

Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ ba ngày 12-02-2009, số: 1700-418394, bổ sung thêm một số ngành nghề, vốn điều lệ tăng gấp đôi: 12.310.600.000 đồng (Mười hai tỉ ba trăm mười triệu sáu trăm ngàn đồng), vốn nhà nước chiếm giữ giảm còn 20%.

Tháng 03/2009, Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký và trở thành công ty đại chúng theo đúng luật định. Đến 01/03/2010, công ty chính thức giao dịch trên sàn UPCoM với mã giao dịch là KBE.

Ngày 15/11/2012 công ty đăng ký thay đổi giấy phép kinh doanh lần thứ 4 do thay đổi trụ sở làm việc mới từ trụ sở cũ số 40 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Rạch Giá, Kiên Giang về trụ sở mới Lô E16 số 30-31-32 đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, Rạch Giá, Kiên Giang.

– Các sự kiện khác: không.

**2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh***

– Ngành nghề kinh doanh:

+ Mua bán, phát hành các loại sách, thiết bị dạy học, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, quà lưu niệm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ TĐTT...

+ In ấn, liên kết in ấn các loại...

+ Bán buôn, bán lẻ các loại thiết bị đồ dùng, đồ dùng gia đình...



+ Bán buôn, bán lẻ các thiết bị vi tính, thiết bị văn phòng, thiết bị điện, thiết bị viễn thông...

+ Sản xuất và cung cấp các mặt hàng đồ gỗ trang bị cho nhà trường, văn phòng.

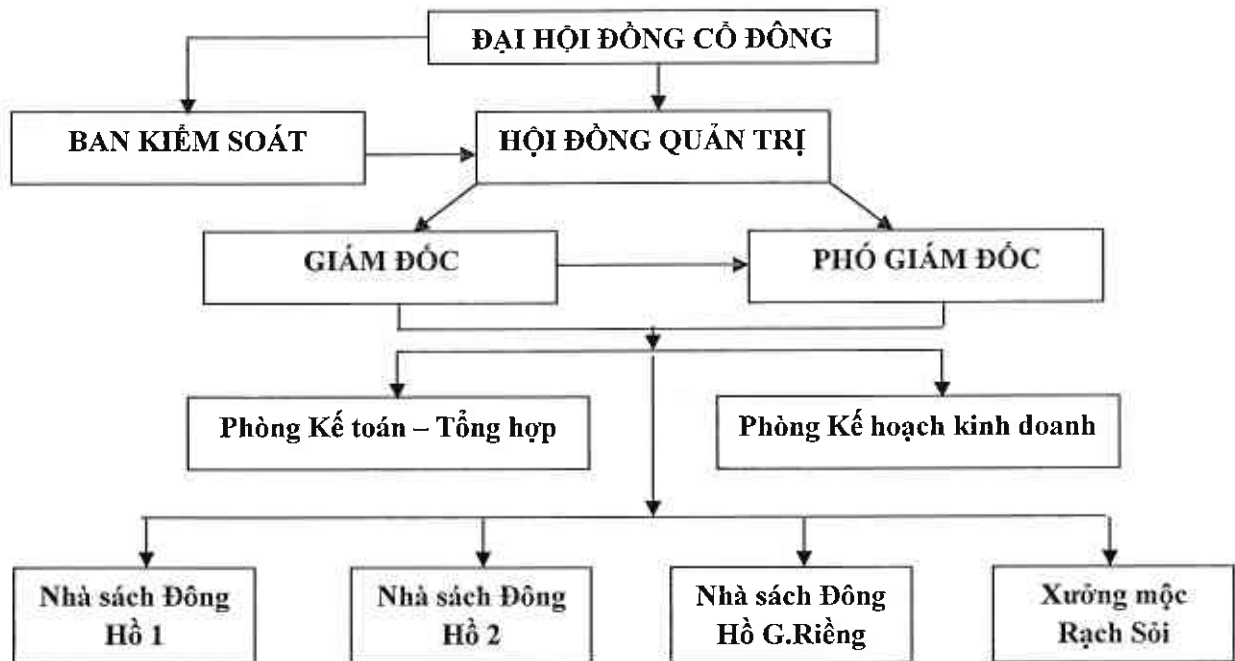
– Địa bàn kinh doanh:

+ Hệ thống bán lẻ tập trung chủ yếu tại thành phố Rạch Giá và huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

+ Hệ thống bán sỉ: cung cấp hàng hóa cho các đại lý, Phòng Giáo dục, và các trường rộng khắp 15 huyện, thị, thành phố trong tỉnh Kiên Giang.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị.



– Cơ cấu bộ máy quản lý.

a. Hội đồng quản trị: gồm 5 thành viên, trong đó 1 Chủ tịch, 4 thành viên

b. Thư ký HĐQT : 01 người

c. Ban kiểm soát: Gồm có 01 Trưởng ban và 02 thành viên .

d. Ban Giám đốc gồm 2 thành viên: 1 Giám đốc và 1 Phó Giám đốc.

đ. Các phòng ban:

+ Phòng Kế hoạch kinh doanh : 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng

+ Phòng Kế toán - Tổng hợp : 01 Trưởng phòng, 01 phó phòng

+ Phòng Tổ chức – Hành chính : 01 Trưởng phòng, 01 phó phòng.

e. Các chi nhánh trực thuộc Công ty:

+ Nhà sách Đông Hồ 1: 01 Cửa hàng trưởng , 02 cửa hàng phó



Địa chỉ: 98B Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

ĐT: 0773.876996; Fax: 0773.876995.

+ Nhà sách Đông Hồ 2: 01 Cửa hàng trưởng , 02 cửa hàng phó

Địa chỉ: 989 Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

ĐT: 0773.914717; Fax: 0773.914716.

+ Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: 01 Cửa hàng trưởng , 01 cửa hàng phó.

Địa chỉ: Khu trung tâm Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

ĐT: 0773.654297; Fax: 0773.631935.

+ Xưởng mộc Rạch Sỏi: 01 Quản đốc

Địa chỉ: 45 Trần Cao Vân, phường Rạch Sỏi, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

ĐT: 0773.865252; Fax: 0773.865252.

– Các công ty con, công ty liên kết: Không có

#### **4. Định hướng phát triển**

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Mục tiêu hoạt động của công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, lợi ích của cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Tiếp tục mở rộng thị phần bán lẻ ở các tuyến huyện khi có điều kiện thuận lợi; tìm ra các hình thức kinh doanh mới, phù hợp nhằm tăng doanh thu, tạo thêm việc làm, đảm bảo đời sống cho người lao động và lợi ích của cổ đông.

– Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Công ty cổ phần Sách – TBTH Kiên Giang thường xuyên ủng hộ và tài trợ cho các chương trình phát triển Giáo dục tại địa phương, tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện khác nhằm hướng tới một xã hội cùng phát triển bền vững. Bên cạnh đó công ty cũng từng bước cải thiện môi trường kinh doanh, sản xuất nhằm hướng đến mục tiêu là một công ty xanh góp phần xây dựng một thế giới xanh – sạch – đẹp.

#### **5. Các rủi ro:**

##### **a. Rủi ro về luật pháp**

Là Công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Khi đăng ký Công ty đại chúng thì hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán, Nghị định và các Quy định về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó là các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty: Luật Quản lý thuế, thuế Thu nhập doanh nghiệp...

**b. Rủi ro đặc thù**

Sách là một loại hàng hóa đặc biệt, nếu không có chính sách thu mua phù hợp đối với từng loại sách khác nhau thì Công ty có thể gánh chịu lượng hàng tồn kho lớn và hao tổn chi phí cho Công ty. Đồng thời, đặc thù của kinh doanh nhà sách là số lượng tiêu thụ tăng mạnh vào mùa tựu trường, nên vào những mùa thấp điểm, lượng hàng tồn kho khá lớn được dự trữ và giao cho các cửa hàng quản lý sẽ trở thành một gánh nặng cho Công ty. Bên cạnh đó, hiện nay nguồn sách và văn phòng phẩm luôn đa dạng, phong phú và được cập nhật liên tục nên lượng hàng tồn kho nếu không tiêu thụ trong thời gian ngắn sẽ bị lỗi thời và tiếp tục ứ đọng. Vì thế, yếu tố hàng tồn kho trở nên rủi ro và ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**c. Rủi ro khác**

Những hàng hóa của Công ty kinh doanh hiện nay chủ yếu là sách và văn phòng phẩm là những vật liệu dễ cháy, do đó, rủi ro về hỏa hoạn luôn cần được cảnh giác và vấn đề phòng ngừa hỏa hoạn, tuân thủ nghiêm túc những quy định về phòng cháy, chữa cháy phải đặt lên hàng đầu. Ngoài ra, đối với những nhân tố rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh..., nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**II. Tình hình hoạt động trong năm****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh****Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2015**

CHỈ TIÊU	TH 2014	KH 2015	TH 2015	% TH 2015 so TH 2014	% TH 2015 so KH 2015
Tổng tài sản	36.712.552.465	-	35.825.052.186	96,11%	-
Doanh thu thuần	100.520.464.790	101.600.000.000	101.733.742.199	101,21%	100,13%
Lợi nhuận từ HĐKD	3.315.105.090	3.770.400.000	2.869.754.226	86,57%	76,11%
Lợi nhuận khác	367.707.728	40.000.000	316.720.223	86,13%	791,80%
Lợi nhuận trước thuế	3.682.812.818	3.810.400.000	3.186.474.449	86,52%	83,63%
Thuế TNDN	596.401.132	675.221.570	497.723.769	83,45%	73,71%
Lợi nhuận sau thuế	3.086.411.686	3.135.178.430	2.688.750.680	87,12%	85,76%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	25,07%	25,46%	21,84%	87,12%	85,78%
Tỷ lệ cổ tức (%)	20%	20%	20%	100%	100%

**Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**



Theo bảng tóm tắt trên có thể thấy, chỉ tiêu doanh thu thuần tăng 1,21% so năm 2014 và đạt 100,13% so với kế hoạch năm 2015; lợi nhuận từ hoạt động sản xuất, kinh doanh chính không đạt so với kế hoạch năm (*chỉ đạt 76,11% so với kế hoạch năm*), và giảm 13,43% so với thực hiện năm 2014; các chỉ tiêu khác cũng giảm so với năm 2014 và không đạt kế hoạch 2015. Tuy nhiên lợi nhuận đạt được vẫn đáp ứng kế hoạch chi cổ tức năm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

## 2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Ông Nguyễn Hùng Dũng	Giám đốc
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Phó Giám đốc
Ông Lâm Nhật Minh	Kế toán trưởng

<b>1</b>	<b>Họ và tên</b>	:	<b>Nguyễn Hùng Dũng</b>
❖	Chức vụ hiện tại	:	Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty
❖	Giới tính	:	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	:	14/11/1955
❖	Quốc tịch	:	Việt Nam
❖	Dân tộc	:	Kinh
❖	Số CMTND	:	370404614 cấp ngày 17/07/2006 tại Kiên Giang
❖	Địa chỉ thường trú	:	13 Lạc Long Quân – P. Vĩnh Lạc – Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
❖	Số điện thoại liên lạc	:	0913606292
❖	Trình độ văn hóa	:	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Tài chính Kế toán
❖	Quá trình công tác		
	- Từ 1975-1983	:	Giáo viên huyện Giồng Riềng – Kiên Giang
	- Từ 1983-2008	:	Kế toán trưởng CTCP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
	- Từ 08/2008 đến nay	:	Giám đốc – TV HĐQT CTCP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
❖	Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
❖	Số cổ phần nắm giữ		110.080 cổ phần chiếm 8,94% vốn điều lệ
<b>2</b>	<b>Họ và tên</b>		<b>Lâm Văn Nguyễn Huy</b>





❖ Chức vụ hiện tại	:	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh
❖ Giới tính	:	Nam
❖ Ngày tháng năm sinh	:	10/08/1975
❖ Quốc tịch	:	Việt Nam
❖ Dân tộc	:	Kinh
❖ Số CMTND	:	370684536
❖ Địa chỉ thường trú	:	191/6/13 Nguyễn Trung Trực, Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
❖ Số điện thoại liên lạc	:	0989860666
❖ Trình độ văn hóa	:	12/12
❖ Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Công nghệ thông tin
❖ Quá trình công tác	:	
- Từ 1990-2009	:	Công tác tại CTCP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
- Từ 2009 - 2013	:	Cửa hàng trưởng Nhà sách Đông Hồ 1, TV HDQT CTCP Sách – Thiết bị trường học KG
- Từ 2014	:	Phó Giám đốc, Trưởng phòng Kinh doanh, TV HDQT CTCP Sách – Thiết bị trường học KG
❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
❖ Số cổ phần nắm giữ	:	54.230 cổ phần chiếm 4,41% vốn điều lệ
<b>3 Họ và tên</b>	:	<b>Lâm Nhựt Minh</b>
❖ Chức vụ hiện tại	:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
❖ Giới tính	:	Nam
❖ Ngày tháng năm sinh	:	07/06/1971
❖ Quốc tịch	:	Việt Nam
❖ Dân tộc	:	Kinh
❖ Số CMTND	:	370500784 cấp ngày 17/12/2001 tại Kiên Giang
❖ Địa chỉ thường trú	:	61 Bạch Đằng, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
❖ Số điện thoại liên lạc	:	0903709254



❖ Trình độ văn hóa	:	12/12
❖ Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
❖ Quá trình công tác		
- Từ 2004 - 2006	:	Kế toán bán hàng tại nhà sách Đông Hồ 2 – Cty CP Sách – TBTH Kiên Giang
- Từ 2006 - 2009	:	Cửa hàng phó nhà sách Đông Hồ 2 - Cty CP Sách – TBTH Kiên Giang
- Từ 2009 - 2010	:	Trưởng phòng Kế toán Cty CP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
- Từ 2010 đến nay	:	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán – Tổng hợp Cty CP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
❖ Số cổ phần nắm giữ	:	2.000 cổ phần chiếm 0,16% vốn điều lệ

– **Những thay đổi trong Ban điều hành:** So với năm 2014 trong năm 2015 Ban điều hành đã giảm đi 01 nhân sự Phó giám đốc.

– **Số lượng cán bộ, nhân viên; chính sách cho người lao động:**

+ Tổng số CBCNV có mặt tại đơn vị tính đến ngày 31/12/2015 là 113 người so với số đầu năm 122 người giảm 09 người. Phân loại:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG (người)
<b>I</b>	<b>THEO TRÌNH ĐỘ</b>	<b>113</b>
1	Trên Đại học, Đại học	27
2	Trung cấp	25
3	Khác	61
<b>II</b>	<b>THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG</b>	<b>113</b>
1	Không thời hạn	46
2	Xác định thời hạn	67
3	Mùa vụ và thử việc	00

+ **Chính sách cho người lao động:**

*Chính sách đào tạo:* Hàng năm, tùy vào tình hình và nhu cầu thực tế công ty sẽ cử CBCNV tham dự các lớp nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc mời giảng viên có kinh nghiệm về đơn vị mở lớp tập huấn về các kỹ năng quản lý, bán hàng, marketing...

*Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi:* Căn cứ vào Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương, công ty đã tiến hành xây dựng lại toàn bộ hệ thống thang, bảng lương mới đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng



người, từng bộ phận, khuyến khích người lao động làm việc nhiệt tình, góp phần phát triển sản xuất kinh doanh của đơn vị; Quy chế trả lương, thưởng cho người lao động cũng được xây dựng theo quy định hiện hành. Công ty còn thực hiện chế độ khen thưởng đột xuất cho những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác.

Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm theo quy định của pháp luật: BHXH – BHYT – BHTN, công ty đảm bảo không nợ tiền đóng bảo hiểm, người lao động được hưởng trợ cấp BHXH : ốm đau, thai sản, bệnh tật, chế độ thôi việc... luôn kịp thời. Hàng năm công ty còn trích quỹ phúc lợi để tổ chức cho CBCNV có thành tích xuất sắc được đi học tập, tham quan, du lịch trong nước.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2015 công ty không có đầu tư vào dự án nào.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con và công ty liên kết.

### 4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ %
Tổng giá trị tài sản	36.712.552.465	35.825.052.186	97,58
Doanh thu thuần	100.520.464.790	101.733.742.199	101,21
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.315.105.090	2.869.754.226	86,57
Lợi nhuận khác	367.707.728	316.720.223	86,13
Lợi nhuận trước thuế	3.682.812.818	3.186.474.449	86,52
Lợi nhuận sau thuế	3.086.411.686	2.688.750.680	87,12
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	100

– Các chỉ tiêu khác:

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,58	1,79	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,74	0,80	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	47,50	42,80	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	90,49	74,70	



<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	5,39	5,25	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản :	2,74	2,84	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,07	2,64	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,01	13,11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,41	7,50	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,30	2,82	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là 1.231.060 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi và cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông: đến ngày 31/12/2015.

STT	Cổ đông	Tổng số CP sở hữu	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>CỔ ĐÔNG LỚN</b>	<b>464.360</b>	<b>37,72%</b>
<b>I</b>	<b>Cá nhân:</b>	<b>218.160</b>	<b>17,72%</b>
1	Cá nhân trong nước	218.160	17,72%
2	Cá nhân nước ngoài	0	0
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>246.200</b>	<b>20,00%</b>
1	Tổ chức trong nước	246.200	20,00%
2	Tổ chức nước ngoài	0	0
<b>B</b>	<b>CỔ ĐÔNG NHỎ</b>	<b>766.700</b>	<b>62,28%</b>
<b>I</b>	<b>Cá nhân:</b>	<b>765.700</b>	<b>62,20%</b>
1	Cá nhân trong nước	765.700	62,20%
2	Cá nhân nước ngoài	0	0
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>1.000</b>	<b>0,08%</b>
1	Tổ chức trong nước	1.000	0.08%



2	Tổ chức nước ngoài	0	0
<b>TỔNG CỘNG (A + B)</b>		<b>1.231.060</b>	<b>100%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2015 không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không có

#### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

##### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

##### 6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tổng số Kw điện tiêu thụ để phục vụ cho khối kinh doanh bán hàng trực tiếp và khối văn phòng là 260.000KW

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

##### 6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu là bán hàng nên nguồn nước cung cấp chính được mua từ công ty cấp thoát nước của địa phương, tổng lượng nước tiêu thụ trong năm là 1.440m<sup>3</sup>.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

##### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty chấp hành nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

##### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số CBCNV có mặt tại đơn vị tính đến ngày 31/12/2015 là 113 người; tiền lương trung bình là 6.500.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.



*Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi:* Căn cứ vào Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương, công ty đã tiến hành xây dựng lại toàn bộ hệ thống thang, bảng lương mới đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, từng bộ phận, khuyến khích người lao động làm việc nhiệt tình, góp phần phát triển sản xuất kinh doanh của đơn vị; Quy chế trả lương, thưởng cho người lao động cũng được xây dựng theo quy định hiện hành. Công ty còn thực hiện chế độ khen thưởng đột xuất cho những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác.

Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm theo quy định của pháp luật: BHXH – BHYT – BHTN, công ty đảm bảo không nợ tiền đóng bảo hiểm, người lao động được hưởng trợ cấp BHXH : ốm đau, thai sản, bệnh tật, chế độ thôi việc... luôn kịp thời. Hàng năm công ty còn trích quỹ phúc lợi để tổ chức cho CBCNV có thành tích xuất sắc được đi học tập, tham quan, du lịch trong nước.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Hàng năm, tùy vào tình hình và nhu cầu thực tế công ty sẽ cử CBCNV tham dự các lớp nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc mời giảng viên có kinh nghiệm về đơn vị mở lớp tập huấn về các kỹ năng quản lý, bán hàng, marketing...

*6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Trong năm, công ty tài trợ cho các đơn vị như: Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang, Tỉnh Đoàn Kiên Giang, Hội khuyến học địa phương tổ chức các hoạt động xây dựng tủ sách cho các chiến sĩ biển đảo; phát tập, sách cho con em nghèo hiếu học, học giỏi; ngoài ra công ty còn đóng góp cho các quỹ xã hội như: Quỹ vì người nghèo, Quỹ phòng chống lụt bão, Quỹ đền ơn đáp nghĩa... tổng số tiền đóng góp trong năm hơn 90.000.000 đồng.

*6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

*1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

- Xem bảng tóm tắt hoạt động kinh doanh của công ty ở phần II. Qua đó cho thấy năm 2015 tổng lợi nhuận sau thuế đạt được là 2,688 tỷ đồng so với kế hoạch đặt ra đầu năm 2015 là 3,135 tỷ đồng chỉ đạt 86% và so với năm 2014 giảm 13% tương đương số tiền giảm là 397 triệu đồng.

- Năm 2015, tình hình kinh doanh tiếp tục gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty có cùng ngành nghề trên địa bàn bắt buộc công ty phải áp dụng nhiều hình thức khuyến mãi, tăng chiết khấu cho khách hàng nhằm nắm vững thị phần, mặt khác chi phí bán hàng và chi phí quản lý cũng tăng, chủ yếu là do chi phí vận chuyển và chi phí hàng biểu tặng tăng; trong năm 2015 công ty đã giải quyết chính sách



thời việc cho 09 người với số tiền trên 100 triệu đồng làm cho chi phí tăng lên. Một số chỉ tiêu chi phí tăng cao chủ yếu như:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2014	NĂM 2015	TỶ LỆ %
01	Chi phí trợ cấp thôi việc	6.692.400	101.624.875	1518,51
02	Chi phí vận chuyển, bốc xếp	771.260.325	1.040.065.658	134,85
03	Chiết khấu bán hàng	2.518.415.012	2.585.758.155	102,67
04	Hàng biếu tặng	196.787.100	900.584.864	457,64

Tuy trong năm qua tình hình kinh doanh gặp không ít những khó khăn nhưng Ban Giám đốc công ty đã kịp thời nắm bắt nhiều cơ hội, có những giải pháp kinh doanh hợp lý nhằm đưa doanh thu của công ty đạt mức trên 100 tỷ đồng. Tuy mục tiêu lợi nhuận không đạt nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ lợi ích của cổ đông và người lao động.

Để đạt được mục tiêu trên, trong năm 2015 Ban Giám đốc công ty tiếp tục việc giao khoán các chỉ tiêu như: doanh thu, chi phí, lợi nhuận và tiền lương cho các bộ phận kinh doanh nhằm tạo động lực phát huy tinh thần tiết kiệm, giảm chi phí trong kinh doanh để từ đó tăng thu nhập cho người lao động; công tác nhân sự cũng thường xuyên được sắp xếp cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế, nhằm phát huy năng lực của từng cá nhân; công tác ngoại giao, marketing được chú trọng nhằm tạo uy tín, niềm tin với khách hàng và các đối tác giúp công ty giữ vững được thị phần.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản:

Cuối năm 2015, công ty có tổng tài sản là 35,825 tỷ đồng giảm 887,5 triệu đồng tương đương giảm 2,4% so với thời điểm cuối năm 2014. Quy mô tài sản trong năm ít biến động, tuy nhiên cơ cấu tài sản có sự thay đổi

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Tài sản lưu động/ tổng tài sản	75,26%	76,57%
Tài sản cố định/ tổng tài sản	24,74%	23,43%

Tài sản ngắn hạn giảm từ 27,630 tỷ đồng xuống còn 27,430 tỷ đồng tương đương giảm 0,72%. Trong đó:

- + Các khoản phải thu từ 12,406 tỷ đồng giảm còn 10,306 tỷ đồng giảm 16,93%;
- + Tài sản ngắn hạn khác từ 78,384 triệu đồng tăng lên 101,615 triệu đồng tăng 29,64%
- + Hàng hóa tồn kho từ 14,677 tỷ tăng lên 15,208 tỷ đồng tăng 3,62%.

Tài sản dài hạn giảm từ 9,082 tỷ đồng còn 8,394 tỷ đồng tương đương giảm 7,58%.

### Tình hình nợ phải trả



– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
Các khoản vay	7.591.192.418	5.839.835.648
Phải trả người bán	3.949.612.471	6.090.127.907
Phải trả CBCNV và phải trả khác	2.386.250.793	3.992.253.334
Chi phí phải trả	1.393.815.446	1.517.214.518
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.320.871.128</b>	<b>17.439.431.407</b>

– **Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:**

Hiện tại công ty có đủ khả năng để chi trả các khoản nợ vay và công nợ cho nhà cung cấp, cuối năm công ty không có các rủi ro về thanh toán.

Công ty không sử dụng ngoại tệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:*

Công ty luôn coi trọng và thường xuyên cải tổ công tác quản lý bán hàng ở các nhà sách. Năm 2015, công ty thay đổi bộ máy quản lý của Ban điều hành qua đó đã giảm chức danh một Phó Giám đốc phụ trách công tác Hành chính, tổ chức chỉ còn lại một Phó Giám đốc kiêm trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh; bộ máy quản lý ở các cửa hàng cũng được sắp xếp lại cho phù hợp với tình hình mới; ngoài ra công ty còn đưa một số cán bộ quản lý chủ chốt đi tập huấn các lớp về nâng cao trình độ quản lý và trình độ bán hàng nhằm từng bước chuyên môn hóa các khâu quan trọng trong công tác kinh doanh.

### 4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

Trong năm 2016 và những năm tiếp theo, công ty tiếp tục thực hiện việc cải tổ công tác quản lý, thay đổi phương thức quản lý bán hàng theo nhóm, giảm biên chế các cá nhân không tích cực trong công tác; tăng cường quản lý chi phí, thực hành tiết kiệm, tiếp tục thực hiện kế hoạch khoán doanh thu – giá vốn – chi phí - tiền lương và thu nhập đến các đơn vị trực thuộc nhằm xóa bỏ những hạn chế, yếu kém còn tồn tại; xây dựng một đội ngũ nhân viên có nội lực, dám nghĩ, dám làm, năng động, sáng tạo trong môi trường kinh doanh ngày càng có tính cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

Đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của khách hàng về đa dạng chủng loại hàng hóa, tăng cường khai thác các mặt hàng mới, thường xuyên cập nhật thị hiếu của khách hàng nhằm cung ứng kịp thời các mặt hàng theo nhu cầu của khách; tiếp tục mở rộng và khai thác mặt hàng sổ sách quản lý, đánh giá chất lượng dạy và học của các cấp học, các trường mẫu giáo cùng với các thiết bị, sổ sách quản lý phục vụ cho các chương trình đổi mới giáo dục (công nghệ, Vnen); tìm đối tác để liên kết, liên doanh khai thác các mặt hàng văn phòng phẩm, thiết bị dạy học để thực hiện bán buôn các mặt hàng này.

Tăng cường và mở rộng công tác tiếp thị đến các cơ quan, trường học, công ty, xí nghiệp để mở rộng thị phần; có chương trình khuyến mãi hợp lý để nâng cao năng





lực cạnh tranh, tạo thị phần vững chắc trong nền kinh tế thị trường; nghiên cứu mở kênh bán hàng qua mạng, bán trực tiếp đến các trường học trên địa bàn trong tỉnh.

Tham mưu với Hội đồng Quản trị lập phương án huy động vốn trong từng thời kỳ đáp ứng đủ nguồn vốn trong SXKD, tiết kiệm chi phí lãi vay ngân hàng và đủ vốn để đầu tư mở rộng qui mô kinh doanh.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:* Không có.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Trong năm qua tuy công tác kinh doanh tiếp tục gặp nhiều khó khăn, các nhà sách của công ty gặp sự cạnh tranh gay gắt không chỉ sách mà các mặt hàng khác cũng vậy, một thành phố Rạch Giá không lớn nhưng có đến 04 siêu thị tầm cỡ hoạt động (02 siêu thị Coop, 01 Citimart, 01 Metro) và nhiều nhà sách tư nhân mới ra đời làm cho thị phần của công ty tại địa bàn thành phố Rạch Giá bị chia xẻ và giảm sút rất nhiều, nhưng Ban Giám đốc đã cố gắng tìm mọi giải pháp để công ty đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông năm 2015 đã đề ra, cụ thể doanh thu đã đạt so với kế hoạch là 101,600 tỷ đồng và tăng 1% so với năm 2014.

Bên cạnh đó, việc giảm đầu tư công của chính phủ cũng đã ảnh hưởng đến doanh số và hoạt động của công ty. Xưởng sản xuất thiết bị nhận được ít đơn hàng, sản xuất cầm chừng, đời sống công nhân gặp nhiều khó khăn, có một số đã nghỉ việc; doanh thu mảng thiết bị giảm sút so với các năm trước.

Trong năm 2015 công ty đã cố gắng để đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận. Ban giám đốc đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, đặc biệt chú ý chỉ tiêu lợi nhuận, tăng cường thực hiện các chức năng giám sát bộ máy quản lý, điều hành, khen thưởng kịp thời những cá nhân mang lại lợi ích cho công ty; đồng thời cũng mạnh dạn chấn chỉnh, thay thế những cán bộ yếu kém không hoàn thành nhiệm vụ được phân công; tăng cường chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của Ban Giám đốc sâu sát, khách quan và minh bạch. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị xây dựng chiến lược, kế hoạch trung hạn và định hướng cho Ban Giám đốc nhằm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong quá trình điều hành, Ban giám đốc công ty đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được phân công, bảo đảm sản xuất kinh doanh của công ty đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Nhìn chung, giám sát quá trình tác nghiệp của Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty chưa phát hiện các vi phạm Điều lệ công ty, vi phạm luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

Năm 2016, Hội đồng quản trị hy vọng Ban Giám đốc công ty tiếp tục có những tiến bộ hơn trong công tác quản lý, điều hành nhằm đưa hoạt động của công ty ngày một phát triển hơn.



### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện nhất quán chiến lược phát triển của công ty đã được xác định, Hội đồng Quản trị chỉ đạo xây dựng, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, tuân thủ đúng định hướng chỉ đạo trong sản xuất kinh doanh.

Đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch đặc biệt chú ý các chỉ tiêu lợi nhuận, công tác thu hồi công nợ. Tăng cường thực hiện các chức năng, giám sát bộ máy quản lý và điều hành, khen thưởng kịp thời những cá nhân mang lại lợi ích cho công ty. Đồng thời mạnh dạn chấn chỉnh, thay thế những cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị trong các kỳ họp.

Theo dõi chỉ đạo sát sao các hoạt động của công ty, tuân thủ đúng quy định, quy chế, Điều lệ hoạt động và pháp luật có liên quan.

Phối hợp tốt với Ban kiểm soát tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định.

Tăng cường việc quản bá thương hiệu công ty trên phương tiện thông tin truyền thông, mở kênh bán hàng qua mạng, có chiến lược xây dựng kế hoạch tạo nguồn phát triển nhân lực để đáp ứng yêu cầu công ty trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: HĐQT gồm có 5 thành viên

- Thành viên Hội đồng quản trị: *trước Đại hội cổ đông năm 2015*

Ông Châu Văn Hiếu

Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Ông Nguyễn Hùng Dũng

Thành viên Hội đồng quản trị;

Ông Đỗ Hiếu Liêm

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

Ông Lâm Văn Nguyễn Huy

Thành viên Hội đồng quản trị;

Ông Trần Văn Thón

Thành viên Hội đồng quản trị. (*Đại diện vốn nhà nước*).

- Thành viên Hội đồng quản trị: *sau Đại hội cổ đông năm 2015*

Ông Châu Văn Hiếu

Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Ông Nguyễn Hùng Dũng

Thành viên Hội đồng quản trị;

Ông Mai Ngọc Khoa

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

Ông Lâm Văn Nguyễn Huy

Thành viên Hội đồng quản trị;

Ông Trần Văn Thón

Thành viên Hội đồng quản trị. (*Đại diện vốn nhà nước*).

- Cơ cấu Hội đồng quản trị:



STT	Danh sách	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thành viên HĐQT không điều hành:</b>			
1	Châu Văn Hiếu	8,78%	Không có	
2	Trần Văn Thón	20%	Thành viên Hội đồng thành viên Cty TNHH MTV Du lịch-Thương mại Kiên Giang.	Đại diện vốn nhà nước từ tháng 04/2014
3	Mai Ngọc Khoa	Không	Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Hùng Sơn - Rạch Giá - KG	Thành viên độc lập
<b>II</b>	<b>Các thành viên khác:</b>			
1	Nguyễn Hùng Dũng	8,94%	Không có	
2	Lâm Văn Nguyễn Huy	4.41%	Không có	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT công ty không có các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát bộ máy quản trị và điều hành công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ như giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý... các mẫu biểu báo cáo của Ban giám đốc và các bộ phận quản lý. Giám đốc thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được giao trong điều lệ và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.

Giám sát, chủ trì thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2015; thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, các chỉ tiêu về tiền lương, lợi nhuận, cổ tức... giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra theo NQ Đại hội cổ đông đầu năm.

Trong năm 2015, HĐQT đã tiến hành được 4 cuộc họp chính thức để đánh giá các mặt hoạt động kinh doanh của từng quý; ngoài ra còn có một số cuộc họp đột xuất để thống nhất các vấn đề cần giải quyết ngay. Năm 2015, HĐQT đã đề ra các Nghị quyết và Quyết định sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	NQ số 01-2015/NQ-HĐQT	08/01/2015	V/v giao cho Giám đốc công ty giám sát việc nhân viên mở công ty riêng có cùng ngành nghề với công ty.
02	NQ số 02-2015/NQ-HĐCĐ	19/01/2015	V/v Miễn nhiệm Chức vụ Phó giám đốc đối với ông Đỗ Ngọc Sơn.
03	NQ số 03-2015/NQ-HĐCĐ	19/01/2015	V/v bổ nhiệm cán bộ làm thư ký HĐQT
04	QĐ số 04/2015/QĐ-KBE	19/01/2015	V/v thành lập phòng Tổ chức – Hành chính.
05	QĐ số 39/2015/QĐ-KBE	19/01/2015	V/v khen thưởng năm 2014 cho HĐQT,



			BKS
06	NQ số 04/2015/NQ-HĐQT-KBE	10/03/2015	V/v chia cổ tức đợt 2/2014 và tổ chức Đại hội cổ đông năm 2015.
07	NQ số 05/2015/NQ-HĐCĐ	18/04/2015	Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.
08	NQ số 06/2015/NQ-HĐQT-KBE	26/11/2015	V/v tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015
09	NQ số 07/2015/NQ-HĐQT-KBE	05/12/2015	V/v giao cho BGD sắp xếp lại nhân sự và xây dựng quy chế trả lương mới.
10	QĐ số 102/2015/QĐ-HĐQT	31/12/2015	V/v xử lý hàng thừa, thiếu sau kiểm kê năm 2015.
11	QĐ số 103/2015/QĐ-HĐQT	31/12/2015	V/v điều chỉnh thứ tự trích lập các khoản từ lợi nhuận sau thuế năm 2015.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

+ Ông Châu Văn Hiếu      Chủ tịch HĐQT

+ Ông Nguyễn Hùng Dũng Thành viên HĐQT

+ Ông Trần Văn Thón      Thành viên HĐQT

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm 2015: Không có

## 2. Ban Kiểm soát.

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
01	Đình Hoài Thanh	Trưởng Ban	0	0	Không
02	Phạm Thị Tuyết Nhung	Thành viên	0	0	Không
03	Lưu Minh Tú	Thành viên	500	0.04%	Không

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát công ty trong năm 2015 đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình, cụ thể:



+ Tham dự đầy đủ tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị để theo dõi và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.

+ Kịp thời tham mưu cho Hội đồng quản trị công ty về tài chính, nhân sự và các chính sách đối với người lao động, đảm bảo nội bộ công ty luôn đoàn kết.

+ Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, năm của phòng tài chính kế toán trước khi trình Hội đồng quản trị đồng thời phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN ĐÃ CHI
01	CHÂU VĂN HIẾU	Chủ tịch HĐQT	49.200.000
02	MAI NGỌC KHOA	Thành viên HĐQT độc lập	24.800.000
03	NGUYỄN HÙNG DŨNG	GD, Thành viên HĐQT	37.200.000
04	LÂM VĂN NGUYỄN HUY	PGĐ, Thành viên HĐQT	37.200.000
05	TRẦN VĂN THÓN	Thành viên HĐQT	37.200.000
06	ĐỖ HIẾU LIÊM	Thành viên HĐQT độc lập	12.400.000
06	LÂM NHỰT MINH	Thư ký HĐQT	22.800.000
07	ĐINH HOÀI THANH	Trưởng Ban kiểm soát	27.600.000
08	LƯU MINH TÚ	Thành viên BKS	13.200.000
09	PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG	Thành viên BKS	13.200.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>274.800.000</b>

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với CĐNB	Số CP sở hữu đầu kỳ (01/01/2015)		Số CP sở hữu cuối kỳ (31/12/2015)		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
01	Lâm Văn Nguyễn Huy		94.230	7,65%	54.230	4,41%	Giảm vốn đầu tư.

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có**

**d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty đảm bảo tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật hiện hành.**



e)

**VI. Báo cáo tài chính**

**1. Ý kiến kiểm toán**

Số: 16.220/BCKT-DTL

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 03 năm 2016 từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LỤC THỊ VÂN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0172-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**HUỲNH THỊ NGỌC TRINH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2124-2013-026-1



## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>27.430.374.397</b>	<b>27.630.171.840</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>1.813.990.902</b>	<b>467.859.058</b>
1. Tiền	111		1.813.990.902	467.859.058
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.306.375.412</b>	<b>12.406.369.005</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	10.575.907.694	12.343.758.673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.480.987	10.104.297
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.3)	12.100.000	200.965.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(292.113.269)	(148.458.965)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.5)	<b>15.208.392.805</b>	<b>14.677.559.641</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.360.849.670	14.804.496.821
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(152.456.865)	(126.937.180)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>101.615.278</b>	<b>78.384.136</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		101.615.278	78.384.136
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.394.677.789</b>	<b>9.082.380.625</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>26.280.000</b>	
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.3)	26.280.000	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.652.434.249</b>	<b>8.265.149.190</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	6.067.434.249	6.665.149.190
+ Nguyên giá	222		10.933.132.897	10.886.932.897
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.865.698.648)	(4.221.783.707)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.7)	1.585.000.000	1.600.000.000
+ Nguyên giá	228		1.660.000.000	1.660.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.000.000)	(60.000.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>54.552.496</b>	<b>20.188.860</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		54.552.496	20.188.860
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.8)	<b>503.370.000</b>	<b>527.370.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		610.370.000	610.370.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(107.000.000)	(83.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>158.041.044</b>	<b>269.672.575</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		158.041.044	269.672.575
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>35.825.052.186</b>	<b>36.712.552.465</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.320.871.128</b>	<b>17.439.431.407</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.320.871.128</b>	<b>17.439.431.407</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.9)	3.949.612.471	6.090.127.907
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.142.135	39.624.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.10)	1.015.475.619	758.251.079
4. Phải trả người lao động	314	(5.11)	1.192.898.224	2.228.643.486
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.12)	1.393.815.446	1.517.214.518
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.13)	47.560.628	565.923.763
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.14)	7.591.192.418	5.839.835.648
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.15)	121.174.187	399.810.707
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>20.504.181.058</b>	<b>19.273.121.058</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.16.1)	<b>20.504.181.058</b>	<b>19.273.121.058</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.16.2)	12.310.600.000	12.310.600.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.310.600.000	12.310.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		552.400.000	552.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.231.060.000	1.231.060.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.410.121.058	5.179.061.058
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.948.001.058	2.092.649.372
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.462.120.000	3.086.411.686
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>35.825.052.186</b>	<b>36.712.552.465</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THÙY LINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÂM NHẬT MINH



Kiên Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2016

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HÙNG DŨNG





Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

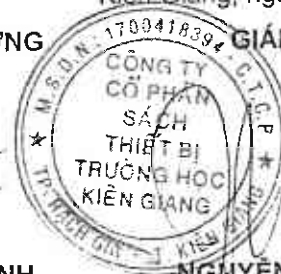
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		109.051.166.874	105.393.424.510
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.317.424.675	4.872.959.720
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	101.733.742.199	100.520.464.790
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	78.441.732.713	76.896.497.167
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.292.009.486	23.623.967.623
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	84.151.914	60.105.035
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	657.655.183	434.584.318
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		633.655.183	370.584.318
8. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	16.164.152.140	15.896.749.180
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	3.684.599.851	4.037.634.070
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.869.754.226	3.315.105.090
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	316.720.223	367.707.728
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		316.720.223	367.707.728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.186.474.449	3.682.812.818
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	497.723.769	596.401.132
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.688.750.680	3.086.411.686
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70		2.141	2.143
19. Lãi suy giảm trên cổ phần	71		2.141	2.143

Kiên Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÙY LINH

LÂM NHẬT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.186.474.449	3.682.812.818
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		658.914.941	662.254.380
Các khoản dự phòng	03		193.173.989	60.760.240
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(46.849.995)	(59.917.543)
Chi phí lãi vay	06		633.655.183	370.584.318
<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>4.625.363.567</b>	<b>4.716.494.213</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.930.059.289	(7.250.889.330)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(556.352.849)	(842.594.646)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.560.443.918)	2.486.954.861
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		88.400.389	229.802.523
Tiền lãi vay đã trả	14		(631.996.549)	(361.325.797)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(530.219.014)	(738.572.056)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			78.190.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(505.267.200)	(705.839.284)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>859.548.715</b>	<b>(2.387.779.516)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(80.563.636)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			2.850.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46.849.995	57.067.543
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(33.713.641)</b>	<b>59.917.543</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		23.589.034.048	14.569.462.886
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.837.677.278)	(10.026.735.058)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.231.060.000)	(2.215.920.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>520.296.770</b>	<b>2.326.807.828</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.346.131.844</b>	<b>(1.054.145)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		467.859.058	468.913.203
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.813.990.902	467.859.058

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THÙY LINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÂM NHẬT MINH

Kiên Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2016



GIAM ĐỐC

NGUYỄN HÙNG DŨNG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014 ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 đồng, được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
Nhà nước	2.462.000.000	20%	2.462.000.000	20%	
Công nhân viên	6.526.160.000	53%	6.526.160.000	53%	
Đối tượng khác	3.322.440.000	27%	3.322.440.000	27%	
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>100%</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>100%</b>	

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại lô E16, Số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Nhà sách Đông Hồ 1: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ 2: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.



- Xưởng mộc Rạch Sỏi: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000810 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 28 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876 ngày 09 tháng 07 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 116 người (31/12/2014: 123 người).

## 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.

## 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (1629);
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa (1702);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa (17090);
- In ấn (18110);
- Dịch vụ liên quan đến in (18120);
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác (46491);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493);
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh (46494);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495);
- Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự (46496);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497);
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520);
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) (46594);



- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692);
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực (47210);
- Bán lẻ thực phẩm (4722);
- Bán lẻ đồ uống (47230);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da (4771);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910);
- Bán lẻ hình thức khác (47990);
- Xuất bản sách (58110);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130);
- Xuất bản phần mềm (58200);
- Lập trình máy vi tính (62011);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (62090);
- Photo, chuẩn bị tài liệu (82191);
- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110);
- Sửa chữa thiết bị liên lạc (95120);
- Đại lý internet.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****4.1. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới**

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.20.

**4.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản kỳ cược, kỳ quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ



dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”

#### 4.4. Nợ phải thu

##### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

##### *Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.5. Hàng tồn kho

##### *Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

##### *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho*

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền của giá mua (hoặc giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá mua (hoặc giá bán).

##### *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối năm tài chính xác định được lượng hàng hòa kém, mất chất lượng, chậm luân chuyển hoặc do Nhà nước quy định thay sách giáo khoa, Công ty trích lập dự phòng giảm giá trị vào chi phí.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.6. Tài sản cố định hữu hình****Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

**Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm
▪ Phần mềm quản lý nhà sách	3 năm

**4.7. Tài sản cố định vô hình****Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

**Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình****Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Lô E16-57 Đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

**Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.



**4.8. Lương**

Theo biên bản thẩm định đơn giá tiền lương năm 2015, quỹ lương năm 2015 được duyệt là 74,61% trên tổng thu nhập chưa tính lương, không bao gồm quỹ lương Ban Giám Đốc.

Tiền lương sản xuất phụ được hạch toán thẳng vào chi phí và giá thành sản phẩm không tính trong đơn giá tiền lương được duyệt.

**4.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**4.10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

**4.11. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này đã được sát toán trong năm 2012.

**4.12. Vốn chủ sở hữu*****Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.13. Doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

**4.14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**4.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**4.16. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

**4.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

**4.18. Lãi trên cổ phần và lãi suy giảm trên cổ phần**

Lãi cơ bản trên cổ phần và lãi suy giảm trên cổ phần được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phần phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phần được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.19. Thuế*****Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Ưu đãi, miễn giảm thuế**

Theo khoản 3, Điều 19, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế TNDN, công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản phẩm.

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Sách tham khảo (không phải sách giáo khoa) 5%
- Hóa mỹ phẩm và thiết bị điện tử như máy tính Casio 10%

**Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**4.20. Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

**Bảng cân đối kế toán (Trích)**

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Tài sản ngắn hạn khác	-	200.965.000
Phải thu ngắn hạn khác	200.965.000	-

**Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)**

	Năm trước (Được báo cáo lại)	VND Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phần và lấy suy giảm trên cổ phần	2.143	2.507

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	67.073.830	88.625.124
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.746.917.072	379.233.934
<b>Cộng</b>	<b><u>1.813.990.902</u></b>	<b><u>467.859.058</u></b>

**5.2. Phải thu của khách hàng**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Ban quản lí các dự án đầu tư phát triển huyện Phú Quốc	792.683.518	1.121.244.922
BQL Dự án ĐT XD Trực Thuộc Sở Giáo Dục và Đào Tạo Kiên Giang	1.726.975.120	4.319.167.237
Sở Giáo Dục & Đào Tạo Kiên Giang	729.900.000	-
Phòng Giáo Dục & Đào Tạo Gò Quao	753.243.916	499.268.616
Ban Quản Lý Các Dự án ĐT-XD Giồng Riềng	724.592.697	108.781.300
Phải thu các khách hàng khác	5.848.512.443	6.295.296.598
<b>Cộng</b>	<b><u>10.575.907.694</u></b>	<b><u>12.343.758.673</u></b>

**5.3. Phải thu khác**

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Ký cược, ký quỹ	12.100.000	-	150.965.000	-
Tạm ứng	-	-	50.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>12.100.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>200.965.000</u></b>	<b><u>-</u></b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	26.280.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>26.280.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>



## 5.4. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	627.306.644	335.193.375	148.458.965	-
<b>Cộng</b>	<b>627.306.644</b>	<b>335.193.375</b>	<b>148.458.965</b>	<b>-</b>

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	189.049.679	132.334.775	Trên 3 năm	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An	289.798.000	202.858.600	Trên 3 năm	-	-	-
Các khách hàng khác	148.458.965	-	Trên 3 năm	148.458.965	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>627.306.644</b>	<b>335.193.375</b>		<b>148.458.965</b>	<b>-</b>	

## 5.5. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	755.781.313	-	874.111.728	-
Thành phẩm	179.866.000	-	241.109.000	-
Hàng hóa	14.425.202.357	(152.456.865)	13.689.276.093	(126.937.180)
<b>Cộng</b>	<b>15.360.849.670</b>	<b>(152.456.865)</b>	<b>14.804.496.821</b>	<b>(126.937.180)</b>



## 5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục					VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	9.066.493.801	308.253.283	1.059.641.926	452.543.887	10.886.932.897
Mua trong năm	-	-	-	46.200.000	46.200.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.066.493.801</b>	<b>308.253.283</b>	<b>1.059.641.926</b>	<b>498.743.887</b>	<b>10.933.132.897</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	2.870.973.155	308.253.283	633.669.366	408.887.903	4.221.783.707
Khấu hao trong năm	475.211.676	-	138.153.252	30.550.013	643.914.941
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.346.184.831</b>	<b>308.253.283</b>	<b>771.822.618</b>	<b>439.437.916</b>	<b>4.865.698.648</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	6.195.520.646	-	425.972.560	43.655.984	6.665.149.190
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>5.720.308.970</b>	<b>-</b>	<b>287.819.308</b>	<b>59.305.971</b>	<b>6.067.434.249</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay là 5.720.308.970 đồng - Xem thêm mục 5.14

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.967.654.092 đồng.

## 5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.540.000.000</b>	<b>120.000.000</b>	<b>1.660.000.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	-	60.000.000	60.000.000
Khấu hao trong năm	-	15.000.000	15.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>75.000.000</b>	<b>75.000.000</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày đầu năm	1.540.000.000	60.000.000	1.600.000.000
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.540.000.000</b>	<b>45.000.000</b>	<b>1.585.000.000</b>

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 5.14.



## 5.8. Các khoản đầu tư tài chính

	VND					
	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	523.000.000	107.000.000	416.000.000	523.000.000	83.000.000	440.000.000
Công ty Cổ phần Đức Trí	87.370.000	-	87.370.000	87.370.000	-	87.370.000
<b>Cộng</b>	<b><u>610.370.000</u></b>	<b><u>107.000.000</u></b>	<b><u>503.370.000</u></b>	<b><u>610.370.000</u></b>	<b><u>83.000.000</u></b>	<b><u>527.370.000</u></b>

## 5.9. Phải trả người bán

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:				
DNTN Ngọc Khôi	522.390.000	522.390.000	442.123.000	442.123.000
Công ty TNHH Thiết Bị Trường Học Tân Văn	359.100.000	359.100.000	390.995.909	390.995.909
Phải trả cho các đối tượng khác	3.068.122.471	3.068.122.471	5.257.008.998	5.257.008.998
<b>Cộng</b>	<b><u>3.949.612.471</u></b>	<b><u>3.949.612.471</u></b>	<b><u>6.090.127.907</u></b>	<b><u>6.090.127.907</u></b>

## 5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND			
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	563.891.626	1.514.282.962	1.225.283.177	852.891.411
Thuế thu nhập doanh nghiệp	136.278.453	497.723.769	530.219.014	103.783.208
Thuế thu nhập cá nhân	58.081.000	116.286.789	115.566.789	58.801.000
<b>Cộng</b>	<b><u>758.251.079</u></b>	<b><u>2.128.293.520</u></b>	<b><u>1.871.068.980</u></b>	<b><u>1.015.475.619</u></b>

## 5.11. Phải trả người lao động

Là quỹ lương 2015 còn phải trả cho người lao động.



## 5.12. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Chi phí chiết khấu bán hàng	1.389.928.669	1.441.919.220
Chi phí thưởng bán hàng	3.886.777	3.886.777
Chi phí phải trả khác	-	71.408.521
<b>Cộng</b>	<b><u>1.393.815.446</u></b>	<b><u>1.517.214.518</u></b>

## 5.13. Phải trả khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn, BHYT, BHXH, BHTN	33.420.175	299.920.810
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	246.200.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.140.453	19.802.953
<b>Cộng</b>	<b><u>47.560.628</u></b>	<b><u>565.923.763</u></b>

## 5.14. Vay và nợ thuê tài chính

Là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang được thế chấp bằng tài sản cố định của Công ty và chịu lãi suất 8%/năm - Xem thêm mục 5.6 và 5.7.

## 5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	399.810.707	277.803.305
Trích trong năm	52.630.680	447.747.686
Chi trong năm	(331.267.200)	(325.740.284)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>121.174.187</u></b>	<b><u>399.810.707</u></b>



**5.16. Vốn chủ sở hữu****5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	5.179.061.058	19.273.121.058
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.086.411.686	3.086.411.686
Chia cổ tức	-	-	-	(2.462.120.000)	(2.462.120.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(447.747.686)	(447.747.686)
Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(176.544.000)	(176.544.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>552.400.000</b>	<b>1.231.060.000</b>	<b>5.179.061.058</b>	<b>19.273.121.058</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	2.688.750.680	2.688.750.680
Chia cổ tức	-	-	-	(1.231.060.000)	(1.231.060.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(52.630.680)	(52.630.680)
Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(174.000.000)	(174.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>552.400.000</b>	<b>1.231.060.000</b>	<b>6.410.121.058</b>	<b>20.504.131.058</b>

**5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nhà nước	2.462.000.000	2.462.000.000
Công nhân viên	6.526.160.000	6.526.160.000
Đối tượng khác	3.322.440.000	3.322.440.000
<b>Cộng</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>12.310.600.000</b>

**5.16.3. Cổ phiếu**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.231.060	1.231.060

**5.17. Lãi cơ bản trên cổ phần và lãi suy giảm trên cổ phần**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	2.688.750.680	3.086.411.686
Trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(52.630.680)	(447.747.686)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.231.060	1.231.060
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phần (DEPS)</b>	<b>2.141</b>	<b>2.143</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	108.001.633.154	102.865.710.232
Doanh thu nội bộ	1.049.533.720	2.527.714.278
Hàng bán bị trả lại	(7.317.424.675)	(4.872.959.720)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>101.733.742.199</u></b>	<b><u>100.520.464.790</u></b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm nhập kho	1.587.033.868	2.070.515.825
Giá vốn của hàng hóa	76.854.698.845	74.825.981.342
<b>Cộng</b>	<b><u>78.441.732.713</u></b>	<b><u>76.896.497.167</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	6.849.995	9.067.543
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.000.000	48.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	37.301.919	3.037.492
<b>Cộng</b>	<b><u>84.151.914</u></b>	<b><u>60.105.035</u></b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	633.655.183	370.584.318
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	24.000.000	64.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>657.655.183</u></b>	<b><u>434.584.318</u></b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.264.615.859	9.957.544.514
Chi phí vật liệu, bao bì	269.550.120	295.320.600
Chi phí công cụ dụng cụ	284.568.032	430.224.912
Chi phí khấu hao tài sản cố định	332.891.669	336.231.108
Thuế, phí và lệ phí	222.333.212	347.925.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.699.298.748	4.455.038.362
<i>Chi phí chiết khấu, thường bán hàng</i>	2.591.219.585	2.383.595.211
<i>Chi phí điện, nước, điện thoại</i>	840.132.500	729.672.758
<i>Chi phí vận chuyển bốc vác</i>	1.048.847.678	906.080.126
<i>Chi phí hàng biếu tặng</i>	810.540.300	47.179.500
<i>Chi phí khác</i>	408.558.685	388.510.767
Chi phí bằng tiền khác	90.894.500	74.463.891
<b>Cộng</b>	<b>16.164.152.140</b>	<b>15.896.749.180</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.205.104.369	2.595.337.001
Chi phí đồ dùng văn phòng	65.447.973	176.402.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	313.454.712	313.454.712
Thuế, phí, lệ phí	19.215.545	33.473.272
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	143.654.304	(36.478.937)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	260.131.609	349.405.591
Chi phí bằng tiền khác	677.591.339	606.040.307
<i>Chi phí công tác</i>	131.112.545	145.052.320
<i>Chi phí tiếp khách</i>	203.540.395	194.523.460
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	250.610.266	169.402.931
<i>Chi phí khác</i>	92.328.133	97.061.596
<b>Cộng</b>	<b>3.684.599.851</b>	<b>4.037.634.070</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.320.000	2.850.000
Hoàn nhập quỹ lương của Chủ tịch HĐQT và Ban GD	187.420.128	254.092.367
Thu nhập khác	122.980.095	110.765.361
<b>Cộng</b>	<b>316.720.223</b>	<b>367.707.728</b>

**6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu vật liệu	844.304.736	1.383.873.595
Chi phí nhân công	12.066.380.497	13.269.486.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	658.914.941	662.254.380
Chi phí dự phòng	143.654.304	(36.478.937)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.457.150.721	2.509.893.371
Chi phí bằng tiền khác	4.246.329.934	4.362.224.507
<b>Cộng</b>	<b><u>21.416.735.133</u></b>	<b><u>22.151.252.931</u></b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.186.474.449	3.682.812.818
Cổ tức không chịu thuế	(40.000.000)	(48.000.000)
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b><u>3.146.474.449</u></b>	<b><u>3.634.812.818</u></b>
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động ưu đãi</i>	<i>1.620.838.418</i>	<i>1.693.814.063</i>
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động thông thường</i>	<i>1.525.636.031</i>	<i>1.940.998.755</i>
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN phổ thông	22%	22%
<b>Cộng</b>	<b><u>497.723.769</u></b>	<b><u>596.401.132</u></b>

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

1. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập của Ban Giám đốc được chi tiết như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	100.800.000	266.400.000
Lương Chủ tịch Hội đồng quản trị	353.292.740	347.099.488
Lương Giám đốc	339.607.132	332.582.907
<b>Tổng Cộng</b>	<b>793.699.872</b>	<b>946.082.395</b>

**8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**9. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 04 tháng 03 năm 2016.

Kiên Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÙY LINH

LÂM NHẬT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước,
- Sở GD&ĐT Hà Nội,
- Thành viên HĐQT,
- Lưu.



Châu Văn Hiếu